



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0718.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **TYE-2000** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **083**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): **(0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN**

Phạm vi đo (Range): **(0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10<sup>-2</sup>**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0740.26

STT (№)	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN</b>		
01	0	0,0
02	150	150,0
03	300	298,7
04	450	453,0
05	600	603,3
06	750	755,6
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN</b>		
01	0	0,0
02	300	301,7
03	600	601,9
04	900	907,7
05	1200	1199,8
06	1500	1502,0
07	1800	1806,7

- 32Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0719.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type) : GS-ALC6 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 3021622006

Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 6000 g

Độ phân giải (Resolution):  $d = 1 \text{ g}$

Cơ sở sử dụng (Customer):

### CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB1.34 - Bộ quả cân chuẩn F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Toán*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0719.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBĐ U (Uncertainty) g
1	100	100	0	0,8
2	200	200	0	0,9
3	500	500	0	0,9
4	1000	1000	0	0,9
5	2000	2000	0	1,0
6	6000	6001	-1	1,0

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0720.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): **GS-ALC-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **5882501190**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 30 kg**

Độ phân giải (Resolution): **d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

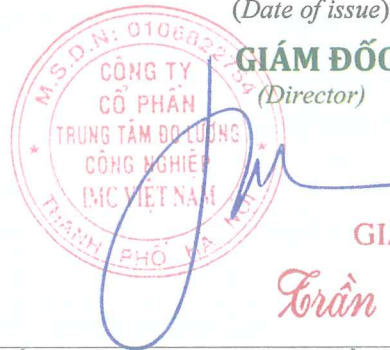
Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Hải**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0720.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000	0	0,2
2	5000	5000	0	0,2
3	10000	10000	0	0,5
4	15000	15001	-1	0,5
5	20000	20001	-1	0,7
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0721.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Cân điện tử**

Kiểu (Type): **GS-ALC-30** Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): **2037852222**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

**(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)**

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0721.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chỉnh, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000	0	0,5
2	5000	5000	0	0,6
3	10000	10000	0	0,7
4	15000	15000	0	0,7
5	20000	20001	-1	0,8
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0722.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **BC - 15** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **8025240226**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Ohaus - USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max =15 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0722.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	500	500,0	0,0	0,12
2	1.000	1.000,0	0,0	0,12
3	2.000	2.000,0	0,0	0,23
4	5.000	5.000,0	0,0	0,24
5	10.000	10.000,5	-0,5	0,24
6	15.000	15.000,5	-0,5	0,34

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0723.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **RC21P30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **8334350305**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **OHAUS - USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 30 kg**

Độ phân giải (Resolution): **d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0723.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000	0	0,2
2	5000	5000	0	0,2
3	10000	10000	0	0,5
4	15000	15000	0	0,5
5	20000	20001	-1	0,7
6	30000	30001	-1	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\%$  ( $k=2$ )

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0724.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén** (Tensile and Compression Testing Machine)

Kiểu (Type): **WE-1000B** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **161203**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 1000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0724.26

Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on WE-1000B) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (0 ÷ 1000) kN; d = 2 kN</b>		<b>Thang đo (0 ÷ 500) kN; d = 1 kN</b>	
0	0,00	0	0,00
150	150,15	80	80,67
300	301,50	160	161,23
450	452,54	240	243,43
600	605,54	320	325,55
750	756,23	400	405,66
900	918,21	480	487,76
<b>Thang đo (0 ÷ 200) kN; d = 0,5 kN</b>			
0	0,00		
30	30,32		
60	60,23		
90	91,22		
120	122,44		
150	153,55		
180	184,23		

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  
 $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0728.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **HCB602H** Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): **950241**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 600 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 0,01 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.35 - Bộ quả cân E2**

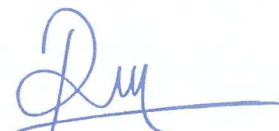
**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

## Kết quả hiệu chuẩn (Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0728.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBĐ U (Uncertainty) g
1	10	10,00	0,00	0,0082
2	20	20,00	0,00	0,0082
3	50	50,00	0,00	0,0082
4	100	100,00	0,00	0,0084
5	200	200,00	0,00	0,0084
6	500	500,01	-0,01	0,0086
6	600	600,01	-0,01	0,0096

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0730.26**

Tên phương tiện đo (Object):

**Máy nén Marshall**

Kiểu (Type): **MSY-30**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **161201**

Số cung: **15190**

Nơi sản xuất (Manufacturer):

**Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 30 kN**

**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: H847359; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0730.26

	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	3	17,0
3	6	33,9
4	9	50,2
5	12	66,0
6	15	82,4
7	18	99,5
8	21	115,5
9	24	131,5
10	27	147,5

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,1832x - 0,1233$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0734.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **HN101-2A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **377P**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 300°C**

**Độ phân giải (Resolution): 0,1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh: LR8402-20/HIOKI;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC. 0734.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80,0	81,6	81,3	81,7
120,0	122,3	122,8	122,5
140,0	142,4	142,7	142,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

IMC.0735.26

Tên phương tiện đo (Object) : Lò nung

Kiểu (Type) : KSW-5-12 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 1902024

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max 1200°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-08

Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;

Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0735.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
750	755	-5	3
800	806	-6	
850	856	-6	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0739.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén**  
Kiểu (Type): **WE - 1000B** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **023**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): **1000 kN**  
Độ phân giải (Resolution): **0,01 kN**  
Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**  
(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0739.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0	0
2	200	201,05	-0,53
3	400	401,92	-0,48
4	600	602,85	-0,48
5	800	803,78	-0,47
6	900	904,26	-0,47

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0740.26

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): TYE-2000 Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): 022

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

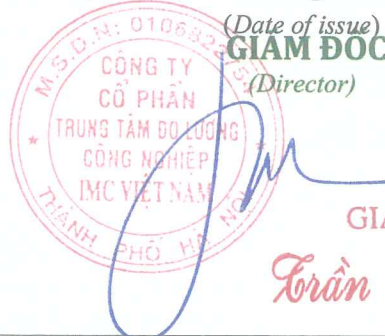
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



(Date of issue)  
**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0740.26

STT (No)	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN</b>		
01	0	0,0
02	150	149,9
03	300	300,7
04	450	451,4
05	600	602,5
06	750	753,1
<b>Thang đo (Range)(0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN</b>		
01	0	0,0
02	300	299,5
03	600	601,1
04	900	902,5
05	1200	1203,6
06	1500	1504,4
07	1800	1805,5

- 32Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0741.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **JY-302** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **08902**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **OHAUS-USA**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 300 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 0,01 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.35 - Bộ quả cân F1**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0741.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBBĐ U (Uncertainty) g
1	50	50,00	0,00	0,008
2	100	100,00	0,00	0,008
3	150	150,00	0,00	0,009
4	200	200,00	0,00	0,010
5	250	250,00	0,00	0,010
6	300	300,01	-0,01	0,012

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
 $P = 95,45\% (k=2)$

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0747.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **HAW-6A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **5882501191**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Nhật Bản**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 6000 g**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0747.26

STT (No)	Mức cân (Load) g	Giá trị chỉ thị (Indication) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	ĐKĐBBĐ U (Uncertainty) g
1	100	100,0	0,0	0,2
2	200	200,0	0,0	0,2
3	500	500,0	0,0	0,2
4	1000	1000,0	0,0	0,3
5	2000	2000,1	-0,1	0,3
6	6000	6000,1	-0,1	0,3

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	22,0	55,0
Kết thúc	22,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0753.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type) : **HN101-2** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **126P**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): đến 300 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Loan**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

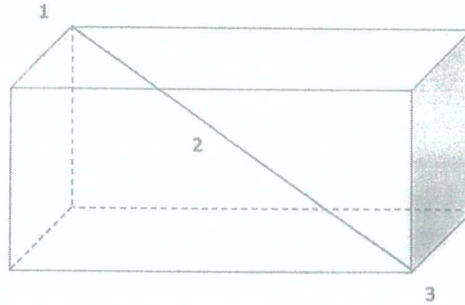
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0753.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	80,8	80,9	80,5
105	106,5	107,8	106,7
120	121,7	121,9	121,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0758.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type): **HN101-2A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **2800**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): đến 300 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

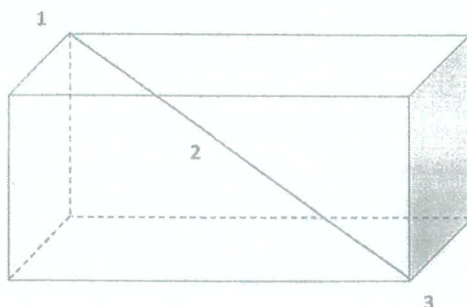
Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0758.26



Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	81,8	81,9	81,5
105	107,5	107,8	107,7
120	122,7	122,9	122,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

**IMC.0764.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Lò nung**

Kiểu (Type) : **SX2-4-10** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **32717**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 1000°C**

**Độ phân giải (Resolution): 1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-08**

**Lò Nung - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,6$  °C**

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0764.26

Thiết bị đặt (°C)	Chuẩn đo được (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P=95% CL, k=2) (°C)
750	755	-5	3
800	808	-8	
850	860	-10	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0780.26**

Tên phương tiện đo (Object) : : **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type) : **TYA-2000** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **220627**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer) : **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo lớn nhất (Max range): 2000 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐL VN 109 : 2002**

**Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 04 - 27**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Loan**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0780.26

STT (№)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,0	0,00
2	200	200,7	-0,35
3	400	401,4	-0,35
4	600	602,9	-0,48
5	800	803,2	-0,40
6	1200	1204,4	-0,37
7	1400	1405,5	-0,39
8	1800	1806,8	-0,38

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy P H 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,2 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , P H 95%).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0781.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : **GS-ALC-30** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **9138564217**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Japan**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max = 30 kg**

**Độ phân giải (Resolution): d = 0,5 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

**QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**IMC.TB1.34 - Bộ quả cân F2**

**Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia**  
(Standard weights are traceable to the national mass standard)


Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **01 - 04 - 27**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0781.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBĐ U, g
1	1000	1000,0	0,0	0,5
2	5000	5000,0	0,0	0,6
3	10000	10000,0	0,0	0,7
4	15000	15000,0	0,0	0,8
5	20000	20000,0	0,0	0,8
6	30000	30000,5	-0,5	0,8

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	23,0	55,0
Kết thúc	23,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0782.26

Tên phương tiện đo (Object): **Tủ sấy (Oven)**

Kiểu (Type): HN101-2A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 5111

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): Max 300 °C

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-07

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ đa kênh ;

Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2$  °C

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 01 - 04 - 27

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC. 0782.26

Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) °C	Nhiệt độ chuẩn (Standard) °C		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
80	80,8	80,5	79,8
105	104,1	105,2	105,1
120	121,3	122,0	119,1
250	248,3	248,9	251,5
Độ KĐBĐ (P=95% CL, k=2) °C	2,0		

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.0767.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Vòng đo lực**  
Kiểu (Type): **Ứng biến** Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): **A3600**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN**  
**Đồng hồ so (0 - 5) mm; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**  
**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**  
(The Standard devices are traceable to National standards)

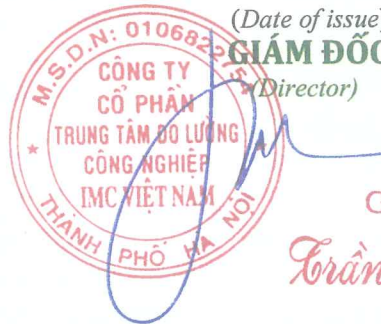
Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



(Date of issue)

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0767.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	5	21,9
3	10	43,3
4	15	64,6
5	20	85,9
6	25	107,2
7	30	128,6
8	35	149,9
9	40	171,2
10	45	192,5
11	50	213,8

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2345x - 0,1467$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0725.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị hoá mềm nhựa tự động**

Kiểu (Type): **CXS-2806** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **160507**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Đến 125 °C**

**Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

### CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2$  °C**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0725.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (P = 95 % CL, k=2) (°C)
50	50,4	0,4	2,0
80	80,5	0,5	
120	120,7	0,7	

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0726.26

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị xác định độ lún của nhựa đường**

Kiểu (Type): CXS-2801 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 150115

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4-10

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Lực kế chuẩn,  $U = 0,14 \cdot 10^{-2}$

Thước cặp  $d = 0,001 \text{ mm}$

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

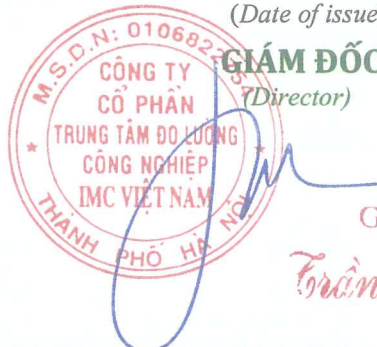
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0726.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			Giá trị đo được	U
1	Khối lượng trục kim và kim	$(50 \pm 0,05)$ g	50,03 g	0,02 g
2	Khối lượng quả tải trọng 1	$(50 \pm 0,05)$ g	50,02 g	0,03 g
3	Khối lượng quả tải trọng 2	$(100 \pm 0,05)$ g	100,03 g	0,02 g
4	Đường kính thân kim	$(1,00 \pm 1,02)$ mm	1,01 mm	0,005 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2)$  °C với  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0727.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **116595**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm**  
**Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm**  
Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

**Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0727.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu\text{m}$ )	5	10	2	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0729.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **E23331G**  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): **(0 - 10) mm**  
Giá trị độ chia (Div): **0,01 mm**  
Cơ sở sử dụng (Customer):

### CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

**Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kiểm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0729.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	8	15	10	15

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ: 26°C; Độ ẩm tương đối: 70%RH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0731.26**

Tên phương tiện đo (Object) :

**Vòng đo lực**

Kiểu (Type) : **Ứng biến**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №) :

**02230112**

Nơi sản xuất (Manufacturer) :

**Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : **Phạm vi đo đến: 50 kN**

**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: 214299; Giá trị độ chia: d = 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

**IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

*(The Standard devices are traceable to National standards)*

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**

*(See the results of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

*(Date of issue)*

**Trưởng phòng thí nghiệm**

*(Head of calibration Laboratory)*

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

*(Director)*

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
*(№ of pages)*

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0731.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0,0
2	3	11,0
3	6	22,0
4	9	34,1
5	12	45,5
6	15	56,3
7	18	67,2
8	21	79,0
9	24	90,5
10	27	102,0
11	30	113,0
12	35	132,2
13	40	151,3
14	45	170,4

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,264x + 0,0969$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0732.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị siêu âm bê tông**

Kiểu (Type): **C369N** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **C369N/AE/0043**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Italia**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Thang đo: 0.1 - 9999  $\mu\text{s}$   
Độ phân giải: 0.1  $\mu\text{s}$  (< 793  $\mu\text{s}$ ), 1  $\mu\text{s}$  (> 793  $\mu\text{s}$ )  
Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp đo thời gian truyền sóng

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo, kiểm tra chức năng hoạt động của máy  
Phép đo thời gian truyền sóng siêu âm qua thanh mẫu chuẩn 53  $\mu\text{s}$

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thanh mẫu chuẩn 53,2  $\mu\text{s}$

Kết quả (Results):

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả ( $\mu\text{s}$ )	53,3	53,2	53,2	53,3	53,3

- Nhiệt độ thực hiện: (23  $\pm$  2)  $^{\circ}\text{C}$ ; độ ẩm 70 %RH

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

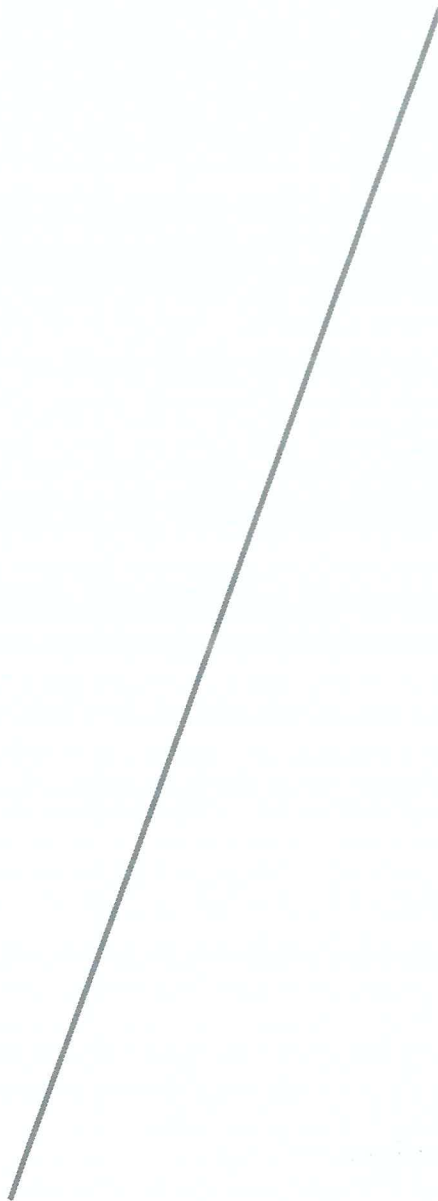
Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Trang: 2/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0733.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Súng thử bật nảy**  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 150499-145  
Nơi sản xuất (Manufacturer): **MATEST ITALY**  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10 ÷ 100) R  
Độ phân giải: 2R

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 150 : 2004**

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy - Quy trình hiệu chuẩn  
(Concrete strength test instrument with rebound method - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn  $60 \pm 2$ ; U = 2R**

Kết quả (Results): **Giá trị bật nảy của búa khi thử trên đe chuẩn**

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	61	59	60	59	60

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C;
- Với độ không đảm bảo đo : U = 2,0 R, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)



**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Loan*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

**Kết quả hiệu chuẩn**  
(Calibration results)





**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0736.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type): **SLF-400** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **150703**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):  
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**  
**Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0736.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1801
2	2600	2604
3	2900	2909

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

**Trang: 2/2**  
(Số of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0738.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **MH-I** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **0738.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 7572-2006**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Tốc độ đo được: 30,3 vòng/phút**  
**Đường kính bi (mm): 47,0 ~ 47,3**  
**Trọng lượng bi (g): 393 ~ 400**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Toán**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)  
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0763.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **MH-I** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **0763.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 7572-2006**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn Los Angeles - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Tốc độ đo được: 30,5 vòng/phút**  
**Đường kính bi (mm): 47,1 ~ 47,3**  
**Trọng lượng bi (g): 393 ~ 400**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Lân**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



**Trang: 2/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0737.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt**

Kiểu (Type) : **BM-III** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **30927**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **8791 : 2011, EN 1097-8**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp;  
Theo yêu cầu của khách hàng**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Lực kế chuẩn**

**Thước cặp điện tử  $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0737.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả	
			(k = 2, P ≈ 95%)	
1	Trọng lượng đặt	1500 ± 30 g	1512g	0,6 g
2	Trọng tâm của trọng lực	410 ± 5 mm	413 mm	1mm
3	Tầm cao su trên đường đến áp suất tĩnh	2263 g	2262g	1g

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu	25,0	55,0
Kết thúc	25,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0742.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 13748

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
$$U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu\text{m}$$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**

*Trần Đình Lân*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0742.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	12	10	15	12

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ;  $[L] : m$

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối:  $70\%RH$

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0743.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): **Cơ khí (Mechanical)** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **210664**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm**

**Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 75 : 2001**

**Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn**

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm**

$$U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$$

Kết quả (Results): **Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0743.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	8	10	9	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ;  $[L] : m$

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối:  $70\%RH$

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0744.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**

Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): B24763G

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm

Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm

$$U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0744.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu\text{m}$ )	9	7	8	8

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^\circ\text{C}$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:  
**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.0745.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type) : Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 115618  
Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng (Customer) :

### CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
 $U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$

Kết quả (Results) : Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0745.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu m$ )	7	9	10	9

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu m$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ; [L] : m

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^{\circ}C$ ; Độ ẩm tương đối: 70%RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM**  
**ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)  
Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0746.26

Tên phương tiện đo (Object): **Đồng hồ đo chuyển vị**  
Kiểu (Type): Cơ khí (Mechanical) Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 210791  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 - 10) mm  
Giá trị độ chia (Div): 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn  
(Dial indicators calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn mẫu song phẳng (Gauge block) (0,5 - 100) mm  
$$U = \sqrt{0,064^2 + (1,5L)^2} \mu m$$

Kết quả (Results): Xem kết quả ở hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

Trang: 1/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0746.26

Thành phần	Sai số thành phần	Sai số tổng	Độ hồi sai	Độ lặp lại
Độ lớn ( $\mu\text{m}$ )	8	9	8	4

Độ không đảm bảo đo  $U = (2,96 + 0,84L) \mu\text{m}$  với hệ số phủ  $k=2$ , mức tin cậy  $p = 95\%$ ;  $[L] : \text{m}$

Hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $26^\circ\text{C}$ ; Độ ẩm tương đối:  $70\%RH$

Trang: 2/2  
(№ of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam.*

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0749.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy thử mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type) : **T10001** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **140640**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Tiêu chuẩn TCVN 6065:1995**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**

**Máy thử mài mòn - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0749.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Giá trị đo được
1	Tốc độ vòng quay của đĩa	(30 ~ 33) vòng/phút	(30 ~ 33) vòng/phút

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .  
(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(23 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.0750.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy trộn xi măng (Cement Mortar Mixer)**

Kiểu (Type) : JJ-5 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 110714

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : TCVN 6016-2011

Cơ sở sử dụng (Customer) :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): QTHC 5.4 - 14

Máy trộn - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : Bộ căn mẫu cấp 1

Thiết bị đo tốc độ vòng quay,  $U = \pm(0,05\% \pm 1 \text{ digit})$

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 15 - 03 - 27

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Toán**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0750.26

TT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Description	Giá trị danh nghĩa/ Nominal values	Kết quả/ Results	
			Giá trị đo được/ Measured values	U/ Uncertainty
<b>1. Tốc độ cánh trộn (Rotation)</b>				
01	Chuyển động quanh trục, tốc độ thấp/ Shaft rotation, low speed.	(140 ± 5) (r/min)	143,0 (r/min)	1,20 (r/min)
02	Chuyển động quanh trục, tốc độ cao/ Shaft rotation, high speed.	(285 ± 10) (r/min)	286,5 (r/min)	1,60 (r/min)
03	Chuyển động hành tinh, tốc độ thấp/ Planetary rotation, low speed.	(62 ± 5) (r/min)	62,6 (r/min)	1,20 (r/min)
04	Chuyển động hành tinh, tốc độ cao/ Planetary rotation, high speed.	(125 ± 5) (r/min)	126,5 (r/min)	1,55 (r/min)
<b>2. Khe hở cánh trộn và cối trộn/ Working gap</b>				
05	Khe hở nhỏ nhất giữa cánh trộn và cối trộn/ Working gap between mixing blade and bowl	(3 ± 1) mm	3,2 mm	0,24 mm

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C.  
(The equipment was calibrated at the temperature of (25 ± 2) °C).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0762.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (Type): **SLF-400** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **0762.26**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):  
Tốc độ vòng quay: **2900 vòng/phút**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4 - 09**  
**Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):  
**Đồng hồ đo tốc độ vòng quay**

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Tuấn*

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0762.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1805
2	2600	2608
3	2900	2912

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0760.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Áp kế - Bơm hút chân không**

Kiểu (Type) : Lò xo Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 0760.26

Nơi sản xuất (Manufacturer): **KK Gauges**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range):  $(-76 \div 0) \text{ kg/cm}^2$   
Giá trị vạch chia nhỏ nhất:  $2 \text{ kg/cm}^2$

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-17**

**Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Áp kế chuẩn;**

**Chuẩn được liên kết đến Trung tâm đo lường Quân đội**

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Toán**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0760.26

TT	P chuẩn (standard) kg/cm <sup>2</sup>	P đo tb (test mean) kg/cm <sup>2</sup>	$\Delta P$ kg/cm <sup>2</sup>	(* )U <sub>exp</sub> kg/cm <sup>2</sup>
1	-70	-69	1	0,2
2	-60	-59	1	0,2
3	-50	-48	2	0,2
4	-40	-39	1	0,2
5	-30	-30	0	0,2
6	-20	-19	1	0,2
7	-10	-10	0	0,2
8	0	0	0	0,2

## Điều kiện hiệu chuẩn (Calibration conditions) :

Nhiệt độ (Temperature): (23 ± 2) °C

Độ ẩm (Humidity): (60 ± 10) %RH

Trang: 2/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0755.26**

Tên phương tiện đo (Object):

**Vòng đo lực - CBR2**

Kiểu (Type): **Ứng biến**

Số (Serial №) / Mã QL (Tag №):

**03555**

Nơi sản xuất (Manufacturer):

**Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo đến: 50 kN**

**Đồng hồ so (0 - 10) mm; Số đồng hồ so: 214299; Giá trị độ chia:  $d = 0,01$  mm**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

**Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**

**Độ không đảm bảo đo (Uncertainty),  $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$**

**Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia**

*(The Standard devices are traceable to National standards)*

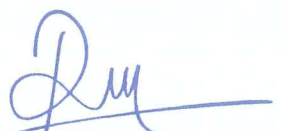
Kết quả (Results):

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
*(See the results of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

  
**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0755.26

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị trung bình (vạch $\times 0,01$ mm)
1	0	0
2	3	12,9
3	6	25,8
4	9	39
5	12	52,6
6	15	65,5
7	18	78,5
8	21	91,7
9	24	104,8
10	27	117,9
11	30	131,07
12	36	157,3
13	42	183,6
14	45	196,7

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0,2286x + 0,0446$$

Với y là lực (kN) và x là số vạch chỉ thị trên đồng hồ so

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)$  °C với độ không đảm bảo đo:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)$  °C. The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0752.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Thiết bị đo tỉ trọng**

Kiểu (Type): **NB-1** Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **(0,96 ÷ 3,0) g/cm<sup>3</sup>**

Độ phân giải (Resolution): **d = 0,01 g/cm<sup>3</sup>**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Nước cất ở 25 °C**

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Tuấn**

**Trang: 1/2**  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0752.26

Lần đọc	Giá trị chuẩn Nước cất ở 25 °C	Giá trị đọc trên thiết bị	ĐKĐBĐ U P = 95 %, k = 2
	g/cm <sup>3</sup>		
1	1,0	1,01	0,01
2	1,0	1,02	
3	1,0	1,02	

Điều kiện môi trường (Environmental conditions):

Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
23,0	55,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k = 2).

Trang: 2/2  
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0751.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Dụng cụ Vicat**

Kiểu (Type) : N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 0751.26

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **TCVN 6017 - 2015**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-11**

**Dụng cụ Vicat - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Panme  $U = (1 + 6L) \mu\text{m}$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )

Lực kế chuẩn,  $U = 0,14 \cdot 10^{-2}$  ( $k = 1; P \approx 95\%$ )

Thước cặp điện tử  $U = (5 + 8L) \mu\text{m}$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )

Kết quả (Results) : **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**  
(Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Đình Lân*

**Trang: 1/2**  
(No of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.0751.26

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả Giá trị đo được
1	Đường kính kim thử độ dẻo chuẩn	1,13 ± 0,05 mm	1,15 mm
2	Chiều dài kim thử độ dẻo chuẩn	50±1 mm	49,98 mm
3	Kích thước đỉnh khuôn đông kết	65±5 mm	64,48 mm
4	Kích thước đáy khuôn đông kết	75±5 mm	73,93 mm
5	Chiều cao khuôn đông kết	40±0,2 mm	40,17 mm

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy  
P = 95,45% (k = 2)

Trang: 2/2  
(№ of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)*

*Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:*

**0888.333.717**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM  
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**  
(Vietnam Industrial Measuring Center, JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.0765.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **BỂ ổn nhiệt Marshall**

Kiểu (Type) : **T16119**

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **151209**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): **Phạm vi đo (range): Max 100 °C**

**Độ phân giải (Resolution): 1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG ANH DŨNG**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 5.4-07**

**Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

**Bộ đo nhiệt độ đa kênh;**

**Độ không đảm bảo đo  $U = 0,2\text{ }^{\circ}\text{C}$**

Kết quả (Results) :

**Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **15 - 03 - 27**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2026**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Phạm Quang Duy**



**GIÁM ĐỐC**  
**Trần Đình Tuấn**

Trang: 1/2  
(№ of pages)

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Ghi chú: "1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2".

# Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.0765.26

Chỉ thị (Indicator) (°C)	Chuẩn đo được (Standard) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) $p = 95\%CL, k = 2$
40	40,5	0,5	2,0
60	61,3	1,3	
80	81,1	1,1	

Trang: 2/2  
(No of pages)

*Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam*  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn nhanh; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

**0888.333.717**